TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- V	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2026/HNGĐ-ST
Ngày 27/01/2026
Về việc: "Ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7- V

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Võ Thế Trang Đền.
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Phạm Công Luận.
2. Bà Nguyễn Thị Phương Nga.

- Thư ký phiên toà: Bà Lê Thị Thu Hiền, Thư ký Toà án nhân dân khu vực 7- V.

Ngày 27 tháng 01 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7- V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 81/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về việc "Ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 194/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2025, Quyết định hoãn phiên toà số 128/2025/QĐST- HNGĐ ngày 31/12/2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Thành N, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 671, ấp B, xã G, tỉnh V (Trước đây là 671, ấp B, xã B, huyện G, tỉnh B)

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị Phương L, sinh năm: 1989; Địa chỉ: ấp H, xã H, tỉnh V (Trước đây là ấp H, xã H, huyện G, tỉnh B).

Tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn, bị đơn đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 23/7/2025, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là ông Nguyễn Thành N trình bày:

Ông và bị đơn là bà Nguyễn Thị Phương L chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B (cũ). Nay là Uỷ Ban nhân dân xã G, tỉnh V, vào ngày 03/7/2018. Hôn nhân do tự nguyện. Sau kết hôn, cuộc sống hôn nhân vợ chồng hạnh phúc được thời gian đầu, thời gian sau giữa vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hợp nhau, không có tiếng nói chung, vợ chồng đã sống ly thân với nhau hơn 01 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn nữa nên ông có yêu cầu ly hôn với bà L.

Về con chung: Vợ chồng không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Do hiện tại ông ở xa, thường xuyên đi công tác nên không thể sắp xếp thời gian đến Toà tham gia giải quyết vụ án được nên ông có yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, ông sẽ không có khiếu nại.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã thông báo và tổ chức các phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bà L đều vắng mặt không lý do.

Do không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án nhân dân khu vực 7- V đã đưa vụ án ra xét xử vào ngày 31 tháng 12 năm 2025, bà L vắng mặt.

Tại phiên tòa sơ thẩm được mở lại vào ngày hôm nay, bà L vẫn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

- *Về tố tụng:* Đối với ông Nguyễn Thành N là nguyên đơn trong vụ án vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin xét xử vắng mặt; Bà Nguyễn Thị Phương L là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt ông N và bà L.

- *Về quan hệ hôn nhân:* Ông N và bà L tự nguyện chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện G, tỉnh B (cũ). Nay là Uỷ Ban nhân dân xã G, tỉnh V, vào ngày 03/7/2018 nên quan hệ hôn nhân của ông bà được coi là hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Xét thấy hôn nhân của ông N, bà L được xác lập trên cơ sở tự nguyện của cả hai phía. Quá trình chung sống, ông N cho rằng ông bà xảy ra bất đồng quan điểm nên không còn thương yêu, chăm sóc lẫn nhau. Theo ông N trình bày, ông và bà L đã xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cải vã vì tính tình không hợp nhau, dẫn đến mâu thuẫn ngày càng gay gắt, tình cảm vợ chồng không còn, không ai quan tâm tới ai nên ông và bà L đã tự chia tay và sống ly thân với nhau nay đã hơn 01 năm, không có thời gian đoàn tụ. Sau khi ông N có yêu cầu xin ly hôn với bà L, Tòa án đã tổ chức các phiên hòa giải để tạo điều kiện động viên cho ông N và bà L hàn gắn, nhưng bà L đều vắng mặt không lý do nên không thể tiến hành hoà giải cho ông N và bà L đoàn tụ được. Việc bà L vắng mặt là bà L đã bỏ mặc với yêu cầu xin ly hôn của ông N, đã đương nhiên từ bỏ quyền trình bày và quyền cung cấp chứng cứ của mình tại tòa. Do ông N không còn tình cảm vợ chồng với bà L nữa nên ông có yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà L. Tòa án đã động viên ông N trở về cùng đoàn tụ với bà L nhưng ông N không đồng ý vẫn cương quyết xin ly hôn với bà L.

Qua đó cho thấy, cuộc sống hôn nhân của ông N và bà L đã mâu thuẫn trầm trọng, tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, không có khả năng đoàn tụ nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của ông N cho ông N được ly hôn với bà L.

- *Về con chung:* Trong quá trình chung sống, ông N và bà L không có con chung.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông N khai không có và không có tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do bà L không đến Tòa án để giải quyết

về việc ly hôn nên không xem xét được bà L có yêu cầu về việc tranh chấp tài sản chung và nợ chung hay không. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

- *Về án phí:* Ông N phải chịu án phí Hôn nhân gia đình là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng).*

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Căn cứ khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ông Nguyễn Thành N được ly hôn với bà Nguyễn Thị Phương L.

2. *Về con chung:* Ông Nguyễn Thành N và bà Nguyễn Thị Phương L không có con chung.

3. *Về tài sản chung, nợ chung:* không có. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét nếu sau này các bên có tranh chấp về tài sản chung và nợ chung sẽ khởi kiện bằng vụ án khác.

4. *Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Ông Nguyễn Thành N phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí ông N đã nộp theo biên lai thu số 0004856 ngày 09/10/2025 của Thi hành án Dân sự tỉnh V. Ông N đã nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết, các bên đương sự có quyền kháng cáo đối với bản án này để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh V xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND khu vực 7- V;
- THADS tỉnh V;
- TAND tỉnh V;
- UBND xã G, tỉnh V
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Võ Thế Trang Đền

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA